

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **82/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-7-2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Quang Nghĩa**.

2. Bà **Trần Thị Kim Tân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Phương Dung** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **369/2023/TLST-HNGĐ** ngày 30 tháng 5 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phùng Thị Như N**, sinh năm: 1985. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Kinh.

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn về chia tài sản chung: Ông **Bùi Văn T**, sinh năm: 1971, (Hợp đồng ủy quyền ngày 11-8-2023). (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 4 C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn có yêu cầu phản tố:*

Ông **Vũ Tiến T1**, sinh năm: 1977. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số B đường số G, ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Quân nhân; Dân tộc: Kinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn có yêu cầu phản tố: Luật sư

Đặng Đình T2 - Văn phòng L, thuộc đoàn luật sư tỉnh Q. (Vắng mặt)

Địa chỉ: B, KP3A, Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-5-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phùng Thị Như N trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện bà và ông Vũ Tiến T1 đăng ký kết hôn năm 2006, tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cãi nhau, vợ chồng không còn tin tưởng nhau và không còn sống chung từ năm 2023 đến nay, bà yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Tiến T1.

Về con chung: Bà và ông Vũ Tiến T1 có 02 người con chung tên: Vũ Hà P, sinh ngày 18-6-2006 hiện đang vào học đại học và Vũ Sĩ N1, sinh ngày 16-11-2007, đang học phổ thông. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, bà yêu cầu ông Vũ Tiến T1 cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng/người con chung x 2 người con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

- Bị đơn có yêu cầu phản tố ông Vũ Tiến T1 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Phùng Thị Như N về diễn biến hôn nhân, con chung và nợ chung giữa ông và bà Phùng Thị Như N. Nay bà Phùng Thị Như N yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Ông đồng ý giao 02 người con chung cho bà Phùng Thị Như N được trực tiếp nuôi dưỡng, ông chấp nhận cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng/người con chung x 2 người con chung.

Về tài sản chung ông yêu cầu chia theo pháp luật: Vợ chồng có tài sản chung gồm:

- Quyền sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 358438, số vào sổ cấp GCN: CS 14163, ngày 10-6-2021, thửa 240, tờ bản đồ 50, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, diện tích 1.226,3m², do bà Phùng Thị Như N đứng tên. Bà Phùng Thị Như N được nhận phần đất này.

- Quyền sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số DA 741049, số vào sổ cấp GCN: CS 17849, ngày 25-01-2021, thửa 166, tờ bản đồ 69, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, diện tích 1.235,8m², do bà Phùng Thị Như N đứng tên, trên đất có trồng cây keo lai. Ông được nhận phần đất này và tài sản trên đất.

- Quyền sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 237506, số vào sổ cấp GCN: CH 06577, ngày 14-7-2014, thửa 61, tờ bản đồ 59, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, diện tích 155,9m², do ông Vũ Tiến T1, bà Phùng

Thị Như N đứng tên. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và 05 cây mai vàng. Ông đồng ý nhận phần đất này và tài sản trên đất. Ông chấp nhận hoàn lại cho bà Phùng Thị Như N ½ trị giá tài sản là 400.000.000 đồng.

* Đối với tiền:

- Vợ chồng có số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, có nguồn gốc là chuyển nhượng căn nhà chung cư chuyển vào tài khoản con trai tên Vũ Hà P và 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng có nguồn gốc là chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hiện nay trong sổ tiết kiệm do bà Phùng Thị Như N đứng tên, tổng cộng là 1.700.000.000 (Một tỷ bảy trăm triệu) đồng, ông đồng ý cho toàn bộ khoản tiền này cho các con ăn học và sử dụng sau này.

Lời phát biểu của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có yêu cầu phản tố:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà Phùng Thị Như N và ông Vũ Tiến T1 mâu thuẫn, không còn sống chung từ tháng 4 năm 2023 đến nay, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông, bà đã đến mức trầm trọng. Bà Phùng Thị Như N yêu cầu ly hôn, ông Vũ Tiến T1 đồng ý ly hôn là phù hợp quy định pháp luật nên ghi nhận.

- Về con chung: Bà Phùng Thị Như N và ông Vũ Tiến T1 thống nhất vợ chồng có 02 người con chung tên: Vũ Hà P, sinh ngày 18-6-2006 hiện đang vào học đại học và Vũ Sĩ N1, sinh ngày 16-11-2007, đang học phổ thông; sau ly hôn bà Phùng Thị Như N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, ông Vũ Tiến T1 phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng/người con chung x 2 người con chung, là phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận.

- Về tài sản: Sự thỏa thuận của các đương sự, bà Phùng Thị Như N nhận thừa đất số 240, tờ bản đồ 50, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, diện tích 1.226,3m²; được nhận 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng từ ông Vũ Tiến T1; ông Vũ Tiến T1 được nhận thừa 166, tờ bản đồ 69, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, diện tích 1.235,8m² và Quyền sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 237506, số vào sổ cấp GCN: CH 06577, ngày 14-7-2014, thửa 61, tờ bản đồ 59, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, diện tích 155,9m², và toàn bộ tài sản trên đất; ông Vũ Tiến T1 phải hoàn lại cho bà Phùng Thị Như N 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng do chênh lệch về trị giá tài sản được nhận, là phù hợp quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa ý kiến:

Căn cứ Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và các Điều 131; Điều 15, 16, 29, 33, 38, 40, 59, 62, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Như N, về hôn nhân: Bà Phùng Thị Như N được ly hôn ông Vũ Tiến T1; về con chung: Bà Phùng Thị Như N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con

chung tên: Vũ Hà P và Vũ Sĩ N1; ông Vũ Tiến T1 phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng/người con chung x 2 người con chung; về tài sản: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Bà Phùng Thị Như N nhận thừa đất 240, tờ bản đồ 50, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, diện tích 1.226,3m²; được nhận 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng từ ông Vũ Tiến T1 do chênh lệch về trị giá tài sản được nhận; ông Vũ Tiến T1 được nhận thừa 166, tờ bản đồ 69, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, diện tích 1.235,8m² và Quyền sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 237506, số vào sổ cấp GCN: CH 06577, ngày 14-7-2014, thửa 61, tờ bản đồ 59, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, diện tích 155,9m², và toàn bộ tài sản trên đất; ông Vũ Tiến T1 phải hoàn lại cho bà Phùng Thị Như N 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng do chênh lệch về trị giá tài sản được nhận; nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tư cách tham gia tố tụng và Tòa án có thẩm quyền giải quyết:* Bà Phùng Thị Như N khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Vũ Tiến T1, không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng; ông Vũ Tiến T1 yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Như vậy, bà Phùng Thị Như N là nguyên đơn, ông Vũ Tiến T1 là bị đơn có yêu cầu phản tố; ông Vũ Tiến T1 có nơi thường trú tại ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai và tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất tất cả ở tại huyện X, như vậy Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Bà Phùng Thị Như N, đại diện theo ủy quyền của bà; ông Vũ Tiến T1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên áp dụng khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số 03/TP, Quyền số 01/2006, ngày 05-01-2006 Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, cấp cho bà Phùng Thị Như N và ông Vũ Tiến T1 đúng quy định, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Phùng Thị Như N và ông Vũ Tiến T1 là hợp pháp.

[4] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Bà Phùng Thị Như N cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Bà không còn tình cảm với ông Vũ Tiến T1, nên bà yêu cầu ly hôn. Ông Vũ Tiến T1 thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung từ năm 2023 đến nay, ông đồng ý ly hôn. Bà Phùng Thị Như N không đến Tòa hòa giải giải quyết mâu thuẫn, để vợ chồng đoàn tụ.

Như vậy, thể hiện bà Phùng Thị Như N không còn quan tâm đến việc vợ chồng đoàn tụ sống chung. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông Vũ Tiến T1 và bà Phùng Thị Như N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho bà Phùng Thị Như N được ly hôn với ông Vũ Tiến T1 là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về con chung:*

Bà Phùng Thị Như N và ông Vũ Tiến T1 có 02 người con chung tên: Vũ Hà P, sinh ngày 18-6-2006, hiện đang vào học đại học và Vũ Sĩ N1, sinh ngày 16-11-2007, đang học phổ thông, hiện đang sống với bà Phùng Thị Như N. Thời gian qua bà Phùng Thị Như N chăm sóc các con đảm bảo. Bà Phùng Thị Như N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung, ông Vũ Tiến T1 đồng ý, trùng với nguyện vọng của các con là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phùng Thị Như N yêu cầu ông Vũ Tiến T1 phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng/người con chung x 2 người con chung, ông Vũ Tiến T1 chấp nhận toàn bộ là phù hợp quy định Điều 110, Luật Hôn nhân và Gia đình và quy định của pháp luật, nên ghi nhận.

[6] *Về tài sản:*

Đại diện bà Phùng Thị Như N và ông Vũ Tiến T1 thống nhất vợ chồng ông, bà có số tài sản và cách chia:

- Quyền sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số DC 358438, số vào sổ cấp GCN: CS 14163, ngày 10-6-2021, thửa 240, tờ bản đồ 50, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, diện tích 1.226,3m², do bà Phùng Thị Như N đứng tên, trị giá 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Bà Phùng Thị Như N được nhận phần đất này.

- Quyền sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số DA 741049, số vào sổ cấp GCN: CS 17849, ngày 25-01-2021, thửa 166, tờ bản đồ 69, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, diện tích 1.235,8m², do bà Phùng Thị Như N đứng tên, trên đất có trồng cây keo lai, trị giá 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Ông Vũ Tiến T1 nhận phần đất này và tài sản trên đất;

- Quyền sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BU 237506, số vào sổ cấp GCN: CH 06577, ngày 14-7-2014, thửa 61, tờ bản đồ 59, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, diện tích 155,9m², do ông Vũ Tiến T1, bà Phùng Thị Như N đứng tên. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và 05 cây mai vàng, trị giá 800.000.000 (T3 trăm triệu) đồng, ông Vũ Tiến T1 nhận phần đất này và tài sản trên đất.

Ông Vũ Tiến T1 hoàn lại cho bà Phùng Thị Như N 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp quy định của pháp luật nên ghi

nhận.

Đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các đương sự thống nhất bà Phùng Thị Như N giữ toàn bộ, nên cần buộc bà Phùng Thị Như N phải giao lại cho ông Vũ Tiến T1 các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần tài sản ông được nhận.

* Đối với tiền:

Ông Vũ Tiến T1 trình bày: Vợ chồng có số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, có nguồn gốc là chuyển nhượng căn nhà chung cư chuyển vào tài khoản con trai tên Vũ Hà P và 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng có nguồn gốc là chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hiện nay trong sổ tiết kiệm do bà Phùng Thị Như N đứng tên, tổng cộng là 1.700.000.000 (Một tỷ bảy trăm triệu) đồng, ông đồng ý toàn bộ khoản tiền này cho các con ăn học và sử dụng sau này, ông không tranh chấp, nên không xem xét.

[7] Về nợ chung:

Đại diện bà Phùng Thị Như N và ông Vũ Tiến T1 trình bày không có, nên không xét.

[8] Về án phí:

- Bà Phùng Thị Như N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

- Bà Phùng Thị Như N và ông Vũ Tiến T1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với trị giá tài sản 1.400.000.000 đồng là: 36.000.000 đồng + (600.000.000 đồng x 3%) = 54.000.000 đồng, nhưng các đương sự đã thỏa thuận được trước khi đưa vụ án ra xét xử nên phải nộp 50% là 27.000.000 đồng. Như vậy ông Vũ Tiến T1 và bà Phùng Thị Như N phải nộp mỗi người 13.500.000 (Mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng tiền án phí về chia tài sản chung;

- Ông Vũ Tiến T1 phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Đối với khoản tiền chi phí tố tụng gồm: Xem xét, thẩm định tại chỗ; đo đạc; thẩm định giá ông Vũ Tiến T1 đã tạm ứng trước đây, ông tự nguyện chịu, không yêu cầu giải quyết theo pháp luật, nên không xem xét.

[9] Lời phát biểu của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có yêu cầu phản tố phù hợp sự nhận định trên, nên chấp nhận toàn bộ.

[10] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định trên và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 33, 62 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều a, khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39 và khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phùng Thị Như N và ông Vũ Tiến T1.

2. Về nuôi con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bà Phùng Thị Như N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên: Vũ Hà P, sinh ngày 18-6-2006 và Vũ Sĩ N1, sinh ngày 16-11-2007, đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi bà Phùng Thị Như N và ông Vũ Tiến T1 có yêu cầu khác.

Ông Vũ Tiến T1 phải cấp dưỡng nuôi con cho bà Phùng Thị Như N 3.000.000đồng/tháng/người con chung x 2 người con chung.

Ông Vũ Tiến T1 được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc và giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung:

3.1. Phần tài sản bà Phùng Thị Như N được nhận:

- Toàn quyền sử dụng phần đất được cấp Giấy chứng nhận số DC 358438, số vào sổ cấp GCN: CS 14163, ngày 10-6-2021, thửa 240, tờ bản đồ 50, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, diện tích 1.226,3m²;

- Được nhận 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng từ ông Vũ Tiến T1 do chênh lệch về trị giá tài sản được nhận.

3.2. Phần tài sản ông Vũ Tiến T1 được nhận:

- Toàn quyền sử dụng phần đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số DA 741049, số vào sổ cấp GCN: CS 17849, ngày 25-01-2021, thửa 166, tờ bản đồ 69, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, diện tích 1.235,8m², và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản có trên đất là cây keo lai;

- Toàn quyền sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BU 237506, số vào sổ cấp GCN: CH 06577, ngày 14-7-2014, thửa 61, tờ bản đồ 59, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, diện tích 155,9m², và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 4 và 05 cây mai vàng.

- Ông Vũ Tiến T1 phải hoàn lại cho bà Phùng Thị Như N 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng do chênh lệch về trị giá tài sản được nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phùng Thị Như N (*Sau khi án có hiệu lực pháp luật*), ông Vũ Tiến T1 phải chịu lãi suất quy định tại Điều

357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

3.3. Bà Phùng Thị Như N phải giao lại cho ông Vũ Tiến T1 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 741049, số vào sổ cấp GCN: CS 17849, ngày 25-01-2021, thửa 166, tờ bản đồ 69, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 237506, số vào sổ cấp GCN: CH 06577, ngày 14-7-2014, thửa 61, tờ bản đồ 59, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

3.4. Ông Vũ Tiến T1 và bà Phùng Thị Như N có nghĩa vụ liên hệ các cơ quan chức năng tiến hành thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần tài sản mình được nhận.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí:

5.1. Bà Phùng Thị Như N phải nộp **300.000** (Ba trăm nghìn) đồng, tiền án phí sơ thẩm về ly hôn và **13.500.000** (Mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng tiền án phí về chia tài sản chung. **300.000** (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Phùng Thị Như N nộp theo Biên lai thu tiền số **0007684** ngày **22-5-2023**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí. Như vậy bà Phùng Thị Như N phải nộp bổ sung **13.500.000** (Mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng tiền án phí.

5.2. Ông Vũ Tiến T1 phải nộp **300.000** (Ba trăm nghìn) đồng, tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con và **13.500.000** (Mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng tiền án phí về chia tài sản chung. **20.000.000** (Hai mươi triệu) đồng tiền tạm ứng án phí ông Vũ Tiến T1 nộp theo Biên lai thu tiền số **0008122** ngày **05-7-2023**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí và hoàn trả cho ông Vũ Tiến T1 **6.200.000** (Sáu triệu hai trăm nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Huyện Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND. xã Xuân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng